

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2023
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH K**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hùng Cường
2. Ông Nguyễn Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh K tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 348/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Nguyễn Phương T – sinh năm 1998 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện D, K.
- ***Bị đơn:*** Ông Trần Quốc V – sinh năm 1999 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 2, xã Diên Đồng, huyện D, K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Nguyễn Phương T trình bày: Bà và ông Trần Quốc V tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã S. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối tháng 11/2020, bà nhận thấy ông V có mối quan hệ với người phụ nữ khác nhưng bà vẫn cho ông cơ hội sửa sai, cố gắng chung sống vì con cái. Nhưng đến năm 2021, bản tính của ông vẫn không thay đổi, tiếp tục có những mối quan hệ trăng hoa bên ngoài nên bà không thể chấp nhận được nữa. Nay bà xác định không còn tình cảm yêu thương với ông V, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quốc V. Về con chung: Bà và ông V có một con chung tên Trần Minh Đ – sinh ngày 16/9/2019, bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định bà và ông V không

có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Quốc V, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa để làm việc.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn không đến Tòa án làm việc. Về giải quyết nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Nguyễn Phương T. Về án phí: nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Quốc V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Phương T và ông Trần Quốc V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/12/2019 và được Ủy ban nhân dân xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80, đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Lê Nguyễn Phương T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc V. Ông V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà T. Xét vợ chồng bà T, ông V đã không còn tình cảm và sự tin tưởng lẫn nhau, sống riêng từ năm 2021 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Lê Nguyễn Phương T đối với ông Trần Quốc V là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông V có 01 con chung là Trần Minh Đ – sinh ngày 16/9/2019, hiện đang sinh sống với bà T. Để đảm bảo việc nuôi dạy, chăm sóc và phát triển bình thường của con chung nên giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông V vì bà T không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T xác định bà và ông V không có tài sản chung, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà Lê Nguyễn Phương T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Nguyễn Phương T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Phương T được ly hôn với ông Trần Quốc V.

- Về con chung: Bà Lê Nguyễn Phương T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Minh Đ – sinh ngày 16/9/2019. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trần Quốc V.

Ông V được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà T, ông V có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Lê Nguyễn Phương T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2]. Về án phí: Bà Lê Nguyễn Phương T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012236 ngày 26/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K;
 - VKSND huyện D;
 - Chi cục THADS huyện D;
 - UBND xã S
- (Giấy CNKH số 80 ngày 11/12/2019);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Bảo Ngân

